

Số: 1111/QĐ-ĐHDT

Đà Nẵng, ngày 31 tháng 3 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công nhận đã hoàn thành khóa học và cấp Chứng chỉ
Ứng dụng CNTT Cơ bản cho các học viên thi Đợt tháng 3/2022
& bổ sung cho các học viên thi Đợt tháng 12/2021**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN

Căn cứ Quyết định số 666/TTg ngày 11/11/1994 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Dân lập Duy Tân;

Căn cứ Quyết định số 1892/QĐ-ĐHDT ngày 31/7/2014 của Hiệu trưởng về việc thành lập Trung tâm Tin học Duy Tân trực thuộc Trường Đại học Duy Tân;

Căn cứ Quyết định số 1704/QĐ-TTg ngày 02/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển đổi loại hình của Trường Đại học Duy Tân;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT-BDGDĐT-BTTTT ngày 21/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; Bộ trưởng Bộ thông tin truyền thông về việc quy định tổ chức thi và cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin;

Căn cứ Quyết định số 1342/QĐ-ĐHDT ngày 12/5/2017 của Hiệu trưởng về việc giao nhiệm vụ cho Trung tâm Tin học Duy Tân đào tạo, sát hạch và cấp Chứng chỉ Chuẩn kỹ năng sử dụng Công nghệ thông tin;

Căn cứ Thông tư số 21/2018/TT-BGDĐT ngày 24/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trung tâm ngoại ngữ, tin học;

Căn cứ Quyết định số 03/QĐ-ĐHDT-HĐT ngày 18/3/2020 của Chủ tịch Hội đồng Trường Đại học Duy Tân v/v bổ nhiệm Hiệu trưởng Trường Đại học Duy Tân;

Căn cứ Quyết định số 537/QĐ-ĐHDT ngày 10/02/2022 về việc thành lập Hội đồng thi Chứng chỉ Ứng dụng Công nghệ Thông tin Cơ bản và Nâng cao năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 671/QĐ-ĐHDT-HĐT ngày 10/02/2022 về việc cho phép học viên dự thi Chứng chỉ Ứng dụng CNTT Nâng cao Đợt tháng 3 năm 2022,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay công nhận đã hoàn thành khóa học và cấp Chứng chỉ Ứng dụng CNTT Cơ bản cho 319 học viên, gồm:

+ 03 học viên thi Đợt tháng 12/2021 (Danh sách đính kèm).

+ 316 học viên thi Đợt tháng 3/2022 (Danh sách đính kèm).

Điều 2. Các Khoa, Phòng, Ban có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- P. ĐTDH&SDH;
- VP Trường;
- Phòng KHTC;
- Lưu: VP TTTH.



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN

**DANH SÁCH HỌC VIÊN CẤP CHỨNG CHỈ
ỨNG DỤNG CNTT CƠ BẢN - ĐỢT THÁNG 12/2021**
SỐ LƯỢNG: 03 Chứng chỉ (bổ sung)

Danh sách này kèm theo Quyết định số: 2114 /QĐ-ĐHDT ngày 31 tháng 3 năm 2022

STT	MSSV	HỌ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP TT	ĐIỂM KTC	ĐIỂM THU'D	GHI CHÚ
1	2221716821	Trần Hồng Linh	09/01/1998	Đà Nẵng	27THT1	9.3	7.5	
2	24207106544	Phạm Thị Thảo Ly	08/10/2000	Đà Nẵng	27THT1	10.0	9.0	
3	24212515531	Lê Thị Nhận	21/11/2000	Quảng Trị	27THT1	7.3	9.5	

Tổng số HV Đạt: 3

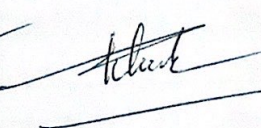
LẬP BẢNG

TRUNG TÂM TIN HỌC

XÁC NHẬN CỦA P. KH-TC

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG


Nguyễn Lê Quế Châu


Dương Trương Quốc Khánh


Mai Hoàng Hải


TS. Nguyễn Phi Sơn



Số: 1111/QĐ-ĐHDT

Đà Nẵng, ngày 31 tháng 3 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công nhận đã hoàn thành khóa học và cấp Chứng chỉ
Ứng dụng CNTT Cơ bản cho các học viên thi Đợt tháng 3/2022
& bổ sung cho các học viên thi Đợt tháng 12/2021**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN

Căn cứ Quyết định số 666/TTg ngày 11/11/1994 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Dân lập Duy Tân;

Căn cứ Quyết định số 1892/QĐ-ĐHDT ngày 31/7/2014 của Hiệu trưởng về việc thành lập Trung tâm Tin học Duy Tân trực thuộc Trường Đại học Duy Tân;

Căn cứ Quyết định số 1704/QĐ-TTg ngày 02/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển đổi loại hình của Trường Đại học Duy Tân;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT-BDGDĐT-BTTTT ngày 21/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; Bộ trưởng Bộ thông tin truyền thông về việc quy định tổ chức thi và cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin;

Căn cứ Quyết định số 1342/QĐ-ĐHDT ngày 12/5/2017 của Hiệu trưởng về việc giao nhiệm vụ cho Trung tâm Tin học Duy Tân đào tạo, sát hạch và cấp Chứng chỉ Chuẩn kỹ năng sử dụng Công nghệ thông tin;

Căn cứ Thông tư số 21/2018/TT-BGDĐT ngày 24/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trung tâm ngoại ngữ, tin học;

Căn cứ Quyết định số 03/QĐ-ĐHDT-HĐT ngày 18/3/2020 của Chủ tịch Hội đồng Trường Đại học Duy Tân v/v bổ nhiệm Hiệu trưởng Trường Đại học Duy Tân;

Căn cứ Quyết định số 537/QĐ-ĐHDT ngày 10/02/2022 về việc thành lập Hội đồng thi Chứng chỉ Ứng dụng Công nghệ Thông tin Cơ bản và Nâng cao năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 671/QĐ-ĐHDT-HĐT ngày 10/02/2022 về việc cho phép học viên dự thi Chứng chỉ Ứng dụng CNTT Nâng cao Đợt tháng 3 năm 2022,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay công nhận đã hoàn thành khóa học và cấp Chứng chỉ Ứng dụng CNTT Cơ bản cho 319 học viên, gồm:

+ 03 học viên thi Đợt tháng 12/2021 (Danh sách đính kèm).

+ 316 học viên thi Đợt tháng 3/2022 (Danh sách đính kèm).

Điều 2. Các Khoa, Phòng, Ban có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- P. ĐTDH&SDH;
- VP Trường;
- Phòng KHTC;
- Lưu: VP TTTH.



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN

DANH SÁCH HỌC VIÊN CẤP CHỨNG CHỈ
ỨNG DỤNG CNTT CƠ BẢN - ĐỢT THÁNG 3/2022
SỐ LƯỢNG: 316 Chứng chỉ

Danh sách này kèm theo Quyết định số: 1114 /QĐ-ĐHDT ngày 31 tháng 3 năm 2022

STT	MSSV	HỌ	TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP TT	ĐIỂM KTC	ĐIỂM THUĐ	GHI CHÚ
1	2320523895	Nguyễn Ngọc	Thảo Viên	13/06/1999	Quảng Ngãi	26CBN3	5.0	6.9	
2	24202101980	Võ Nguyễn	Thảo Chi	08/08/2000	Quảng Ngãi	26CHT3	8.3	5.1	
3	24202100920	Lê Thị	Khánh Na	05/10/2000	Quảng Trị	26TBN10	7.7	5.5	
4	25207204510	Trương Thị	Mỹ Ngọc	22/12/2001	Đắk Lắk	26TBN10	6.3	6.3	
5	25202100546	Tạ Thị	Thu Uyên	23/09/2001	Gia Lai	26TBN10	6.0	5.0	
6	25202615437	Đàm Thị	Yến Vi	14/08/2001	Gia Lai	26TBN10	8.3	7.3	
7	24203204757	Lê Thị	Hoài Ly	09/02/2000	Quảng Nam	26THT10	7.0	7.9	
8	24202616209	Nguyễn Thị	Thanh Uyên	11/11/2000	Kon Tum	26THT11	5.3	5.8	
9	24202703613	Trần Thị	Thảo Vân	10/02/2000	Bình Định	26THT11	7.3	8.4	
10	2321711596	Nguyễn Lê	Hoàng Hảo	25/12/1999	Gia Lai	26TSC6	6.3	6.4	
11	24207207432	Lê Thị	Tiền	28/07/2000	Quảng Ngãi	26TSC8	6.3	8.0	
12	24203105414	Trần Thị	Địu	10/09/2000	Quảng Bình	26TSC9	8.7	9.4	
13	24205103844	Phan Thị	Trà My	15/04/2000	Bình Định	26TSC9	9.7	6.4	
14	24205207438	Đặng Kim	Na	25/07/2000	Đắk Lắk	26TSC9	10.0	9.9	
15	24205211746	Trần Thị	Thúy Ngọc	02/08/2000	Đắk Lắk	26TSC9	8.7	9.5	
16	24203104355	Trần Quỳnh	Quyên	24/08/2000	Bình Định	26TSC9	8.3	7.6	
17	24205100190	Đinh Cao	La Sương	11/10/2000	Quảng Bình	26TSC9	9.3	6.6	
18	24202401386	Huỳnh Thị	Thu Thảo	20/03/2000	Quảng Ngãi	26TYC8	5.3	6.4	
19	24203405963	Võ Thị	Thanh Bình	04/09/2000	Quảng Nam	27CBN1	7.3	6.1	
20	2120534446	Nguyễn Hương	Loan	21/11/1996	Nghệ An	27CHT1	8.7	9.6	
21	2120534463	Phạm Thạch	Thảo	13/01/1997	Quảng Ngãi	27CHT1	8.3	6.0	
22	2120534431	Phan Thị	Kim Trang	23/08/1996	TT Huế	27CHT1	8.3	9.0	
23	24205208064	Bùi Thị	Vân Anh	07/05/2000	Đắk Lắk	27CHT2	9.7	6.0	
24	24205208771	Trần Thị	Tú Anh	25/08/2000	Gia Lai	27CHT2	9.7	9.8	
25	2320210788	Đỗ Thị	Mỹ Duyên	15/01/1999	Bình Định	27CHT2	6.3	5.3	
26	24205211697	Lê Thị	Hồng Ngọc	22/11/2000	Quảng Trị	27CHT2	5.7	5.9	
27	24205212021	Phan Thị	Yến Nhi	21/04/2000	Quảng Nam	27CHT2	9.0	7.4	
28	24207200028	Trần Huỳnh	Thu Thảo	27/09/2000	Bình Định	27CHT2	8.0	5.0	



Handwritten signature and initials.

STT	MSSV	HỌ	TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP TT	ĐIỂM KTC	ĐIỂM THUĐ	GHI CHÚ
62	24217204361	Nguyễn Minh	Hiếu	04/05/2000	Quảng Nam	27SHT2	7.3	6.8	
63	24208701767	Trịnh Thị Minh	Hiếu	29/02/2000	Đắk Lắk	27SHT2	10.0	7.0	
64	24217210403	Trần Minh	Huy	05/12/2000	Quảng Nam	27SHT2	6.3	8.0	
65	24208616233	Dương Thị Mỹ	Linh	15/05/2000	Quảng Nam	27SHT2	8.0	6.5	
66	24207100128	Mai Bích	Loan	02/11/2000	Đà Nẵng	27SHT2	9.7	5.1	
67	24207105174	Trương Thị Bích	Loan	19/10/2000	Đà Nẵng	27SHT2	8.3	6.0	
68	24202104140	Lê Thị Bích	Ly	24/05/2000	Gia Lai	27SHT2	7.3	5.0	
69	24218707117	Nguyễn Đào Quý	Minh	21/07/2000	Gia Lai	27SHT2	7.7	5.0	
70	24207211395	Nguyễn Trần Yến	Minh	25/03/2000	Đà Nẵng	27SHT2	7.7	5.0	
71	24207105621	Võ Thị Ánh	Minh	28/03/2000	Quảng Nam	27SHT2	6.3	7.5	
72	24202104363	Hồ Nguyễn Ly	Na	25/05/2000	Quảng Nam	27SHT2	7.3	6.5	
73	24207107063	Nguyễn Thị Kim	Ngân	27/11/2000	Quảng Nam	27SHT2	6.3	6.3	
74	24207106363	Nguyễn Thị Tuyết	Nhi	29/11/2000	Quảng Nam	27SHT2	6.0	6.5	
75	24207204475	Lương Phương	Thảo	24/03/2000	Quảng Nam	27SHT2	9.7	7.8	
76	24202101566	Trần Anh	Thư	14/03/2000	Đắk Lắk	27SHT2	9.7	7.6	
77	2220727422	Nguyễn Thị Ngọc	Truyền	16/03/1998	Đà Nẵng	27SHT2	7.7	5.4	
78	24217204952	Nguyễn Mạnh	Tuấn	21/04/2000	Đà Nẵng	27SHT2	5.3	5.0	
79	24208704289	Bùi Thị Tú	Uyên	26/02/2000	Đắk Lắk	27SHT2	8.0	8.3	
80	24207205789	Phạm Thị Thúy	Vi	23/12/2000	Quảng Nam	27SHT2	9.3	7.5	
81	24207115434	Từ Thị Như	Ý	14/04/2000	Quảng Nam	27SHT2	7.7	8.4	
82	24203109289	Bùi Thị Mỹ	Duyên	22/05/2000	Quảng Nam	27SSC1	8.0	5.3	
83	25202700854	Phạm Thảo	Vân	19/01/2001	Phú Yên	27SSC1	10.0	6.9	
84	24202506074	Trần Thu	Huyền	05/10/2000	Đà Nẵng	27SYC1	9.7	7.8	
85	24202500398	Phan Thị	Linh	02/01/2000	Hà Tĩnh	27SYC1	8.3	5.8	
86	24212205150	Nguyễn Thành	Nam	25/02/2000	Đà Nẵng	27SYC1	7.0	9.1	
87	2320529211	Ngô Thị Bích	Hà	01/10/1999	Quảng Nam	27TBN1	8.7	5.8	
88	24207207379	Đỗ Dư	Hiếu	09/06/2000	Ninh Thuận	27TBN1	8.3	8.8	
89	2320520584	Hoàng Thị Ngọc	Vân	23/02/1999	Quảng Trị	27TBN1	6.7	5.0	
90	24203114634	Bùi Tú	Vi	19/05/2000	Quảng Ngãi	27TBN1	9.0	8.0	
91	23205210616	Nguyễn Thị Như	Ý	10/02/1997	TT Huế	27TBN1	7.3	7.4	
92	24208701629	Nguyễn Thị Cẩm	Chi	27/11/2000	Quảng Ngãi	27TBN2	7.0	9.8	
93	24205206531	Hồ Thị Thanh	Hiền	09/04/2000	Quảng Nam	27TBN2	9.7	8.8	
94	24218604698	Trần Minh	Hoàng	18/11/2000	Quảng Nam	27TBN2	8.0	8.1	

STT	MSSV	HỌ	TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP TT	ĐIỂM KTC	ĐIỂM THUĐ	GHI CHÚ
128	2320633230	Đặng Thị Xuân	Mai	03/01/1999	Đà Nẵng	27TBN7	5.7	5.0	
129	24215211376	Lý Bình	Minh	27/11/2000	Kon Tum	27TBN7	6.0	8.0	
130	24205116565	Bùi Thị Minh	Nguyệt	21/03/2000	Quảng Ngãi	27TBN7	8.7	5.8	
131	24205211960	Lương Thị Thảo	Nhi	20/11/2000	Quảng Nam	27TBN7	7.3	6.4	
132	24205303637	Nguyễn Thị Xuân	Nữ	27/03/2000	Bình Định	27TBN7	8.3	8.3	
133	25205307938	Trần Thị	Phương	02/01/2001	Quảng Nam	27TBN7	7.3	5.6	
134	24215212894	Phùng Thế	Tài	20/12/2000	Quảng Bình	27TBN7	7.0	8.6	
135	24216608022	Phạm Thanh	Tâm	22/02/2000	Thừa Thiên Huế	27TBN7	7.7	5.6	
136	24215215677	Phan Duy	Tâm	01/01/2000	Gia Lai	27TBN7	6.3	7.8	
137	24205213005	Nguyễn Thị Phương	Thanh	10/01/2000	Hà Tĩnh	27TBN7	6.7	6.4	
138	24207107688	Trần Thị Thanh	Thanh	09/01/2000	Đà Nẵng	27TBN7	7.3	6.4	
139	24205202563	Bùi Thị Ngọc	Thảo	27/11/2000	Đà Nẵng	27TBN7	8.0	7.5	
140	25202102797	Nguyễn Thị Thạch	Thảo	03/04/2001	Quảng Nam	27TBN7	7.0	6.5	
141	24205213814	Phan Thị Tất	Toàn	28/04/2000	Thừa Thiên Huế	27TBN7	7.3	9.3	
142	24203204200	Lê Dạ	Uyển	29/09/2000	Quảng Nam	27TBN7	8.0	7.6	
143	25202110118	Nguyễn Thị Hoàng	Vân	18/11/2001	Đà Nẵng	27TBN7	7.0	6.0	
144	24207101669	Lê Thị	Vỹ	30/07/1999	Quảng Nam	27TBN7	9.0	7.0	
145	24215206522	Nguyễn Văn	Ý	12/03/2000	Đắk Lắk	27TBN7	8.7	9.3	
146	24217104864	Nguyễn Quang	Huy	28/12/1999	Quảng Nam	27THT1	6.0	5.8	
147	24202615723	Lưu Yến	Nhi	24/02/2000	Thanh Hóa	27THT1	9.0	8.8	
148	24202102324	Nguyễn Thị Hoàng	Thư	01/11/2000	Quảng Nam	27THT1	8.7	8.4	
149	23205211421	Phạm Lê Thị Hoài	Thương	10/04/1999	Bình Định	27THT1	9.7	9.3	
150	24202700109	Văn Như	Linh	19/08/1999	Quảng Nam	27THT2	9.3	7.9	
151	24202716637	Lê Huỳnh Bảo	Trâm	24/02/2000	Đà Nẵng	27THT2	9.7	8.3	
152	24207214422	Trần Hoàng Thanh	Tuyền	07/11/2000	Phú Yên	27THT2	8.7	10.0	
153	24207100680	Trịnh Thị Kiều	Diễm	27/11/2000	Phú Yên	27THT3	7.7	5.0	
154	24215210208	Nguyễn Việt	Hoàng	06/06/2000	Bình Định	27THT3	8.3	7.3	
155	24218607855	Nguyễn Văn	Phương	29/11/2000	Gia Lai	27THT3	9.0	6.1	
156	24205101695	Nguyễn Hoài	Phương	13/12/2000	Bình Định	27THT3	8.3	8.5	
157	24202605064	Phạm Thị Lan	Anh	29/04/2000	Quảng Bình	27THT4	7.7	6.0	
158	24207201020	Nguyễn Hà Bảo	Hân	16/05/2000	Kon Tum	27THT4	9.7	6.8	
159	24207104667	Đinh Thị Mai	Huyền	28/10/2000	Quảng Nam	27THT4	7.3	6.5	
160	24217210670	Phan Văn	Khoa	14/04/1999	Quảng Bình	27THT4	9.7	6.6	

STT	MSSV	HỌ	TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP TT	ĐIỂM KTC	ĐIỂM THỬ	GHI CHÚ
29	24207200150	Nguyễn Thị Mộng	Thơ	06/07/2000	Bình Định	27CHT2	8.3	6.9	
30	24207108500	Nguyễn Ngọc Phương	Thoa	04/08/2000	Đắk Nông	27CHT2	9.0	7.3	
31	24205208393	Nguyễn Thị Ngọc	Thúy	29/08/2000	Kon Tum	27CHT2	9.3	6.1	
32	24205206576	Phan Thị Bào	Trân	22/09/2000	Quảng Nam	27CHT2	9.0	7.6	
33	24205207884	Nguyễn Thị Thùy	Vân	02/04/2000	Quảng Nam	27CHT2	9.7	9.4	
34	24202605807	Trần Thị Minh	Hằng	23/04/2000	Đà Nẵng	27CSC1	8.3	7.5	
35	24203115745	Lê Thị Ngọc	Hiếu	10/10/2000	Gia Lai	27CSC1	8.0	8.8	
36	24202616093	Hoàng Thị Lan	Hương	02/01/2000	Quảng Bình	27CSC1	5.7	8.3	
37	24207104346	Nguyễn Bích	Phương	03/03/2000	Bình Định	27CSC1	10.0	8.5	
38	2121534391	Đỗ Phú	An	16/07/1997	Lâm Đồng	27CYC1	9.7	8.9	
39	24207104219	Hồ Thị Lan	Anh	19/12/2000	Đà Nẵng	27CYC1	8.3	7.5	
40	2121536974	Đinh Việt	Bảo	09/03/1995	Quảng Nam	27CYC1	10.0	10.0	
41	24202216612	Thái Thị	Hoài	30/10/2000	Ninh Thuận	27CYC1	7.3	8.3	
42	2121534423	Nguyễn Hồ Minh	Hoàng	17/10/1997	Buôn Ma Thuột	27CYC1	6.0	9.3	
43	2121534403	Hứa Tuấn	Kiệt	17/03/1997	DakLak	27CYC1	9.3	10.0	
44	2120534424	Đào Huệ	Linh	14/10/1997	Thanh Hóa	27CYC1	8.0	8.5	
45	2121539909	Lại Quang	Nhân	03/08/1997	An Giang	27CYC1	9.7	9.3	
46	24207115940	Mai Thị Hồng	Nhung	30/09/2000	Thanh Hóa	27CYC1	7.7	9.0	
47	2121534399	Y Alisia	Niê	25/11/1996	DakLak	27CYC1	8.3	6.0	
48	2121534411	Trần Hữu	Phước	10/08/1997	Bình Định	27CYC1	7.7	8.4	
49	2121534457	Cao Thanh	Sơn	12/09/1995	Phú Yên	27CYC1	9.0	9.4	
50	24207101611	Lê Hoàng	Trình	20/09/2000	Đà Nẵng	27CYC1	5.0	6.1	
51	2121534432	Nguyễn Văn	Tương	18/06/1995	Quảng Nam	27CYC1	9.3	6.8	
52	24203202052	Lê Thị	Ngân	18/08/2000	Đắk Lắk	27CYC2	9.3	6.5	
53	24202715815	Vũ Thùy	Trang	11/01/2000	Gia Lai	27CYC2	10.0	7.9	
54	24207208289	Ngô Thị Ngọc	Diễm	25/10/2000	Quảng Nam	27SBN1	8.0	7.5	
55	24202105250	Lê Thị Kim	Anh	22/04/2000	Quảng Trị	27SHT2	5.7	7.5	
56	24207209385	Võ Thị Thùy	Dương	26/04/2000	Hà Tĩnh	27SHT2	7.3	5.8	
57	24208700564	Nguyễn Trần Thảo	Duyên	30/04/2000	Phú Yên	27SHT2	9.7	6.1	
58	24207104009	Nguyễn Thị Châu	Giang	01/05/2000	Quảng Nam	27SHT2	9.0	8.0	
59	24207204479	Trần Thị	Giang	07/10/2000	Quảng Nam	27SHT2	10.0	8.4	
60	24207100261	Quảng Thị Ngọc	Hân	18/10/2000	Bình Định	27SHT2	6.3	5.3	
61	24207116568	Trương Thị Minh	Hiền	06/02/2000	Đà Nẵng	27SHT2	9.3	9.8	

Handwritten signature and initials

STT	MSSV	HỌ	TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP TT	ĐIỂM KTC	ĐIỂM THUĐ	GHI CHÚ
161	24207202683	Tôn Nữ Minh	Khuyến	09/12/2000	Thừa Thiên Huế	27THT4	9.3	9.4	
162	24217205902	Nguyễn Hoàng	Lam	21/11/2000	Quảng Bình	27THT4	9.3	9.1	
163	24208602497	Phan Thị Thanh	Nga	23/06/2000	Bình Định	27THT4	9.0	7.5	
164	2320714468	Lê Thị Thanh	Tâm	14/03/1999	Quảng Nam	27THT4	6.7	5.0	
165	24217106285	Nguyễn Đình	Trọng	05/08/2000	Đà Nẵng	27THT4	5.7	5.0	
166	24207107312	Hà Thị Ngọc	Ánh	01/02/2000	Quảng Nam	27THT6	8.3	8.0	
167	24202507713	Lê Thị Ngọc	Ánh	05/03/2000	Gia Lai	27THT6	8.3	7.0	
168	24217115780	Văn Thế	Duy	18/06/2000	Bình Định	27THT6	7.3	8.5	
169	24203115799	Nguyễn Trần Lệ	Giang	19/03/2000	Quảng Trị	27THT6	8.3	9.5	
170	24207205858	Phạm Hương	Giang	24/02/2000	Đà Nẵng	27THT6	6.0	5.5	
171	24202107042	Lê Thị Ngọc	Hà	04/03/2000	Quảng Trị	27THT6	9.0	10.0	
172	24207116262	Nguyễn Kiều	Hương	01/01/2000	Đắk Lắk	27THT6	9.3	9.1	
173	24212207029	Trần Thu	Huyền	30/03/2000	Đà Nẵng	27THT6	7.0	8.0	
174	24202715467	Hồ Nguyễn Việt	Linh	26/10/2000	Quảng Nam	27THT6	9.7	10.0	
175	24217210874	Lưu Công Đức	Lợi	10/06/2000	Đắk Lắk	27THT6	7.7	6.3	
176	24212716202	Lê Văn Duy	Minh	12/12/2000	Hồ Chí Minh	27THT6	7.0	5.0	
177	2320519504	Nguyễn Lê	Minh	30/08/1999	DakLak	27THT6	5.3	5.5	
178	24205211588	Đinh Hiếu	Ngân	21/12/2000	Đà Nẵng	27THT6	9.0	9.0	
179	24207205639	Thân Nguyễn Thu	Ngân	25/04/2000	Quảng Nam	27THT6	9.7	7.0	
180	24215206396	Trần Phạm Hữu	Nghĩa	08/01/2000	Quảng Nam	27THT6	7.0	6.3	
181	24207216335	Đặng Trương Ý	Nhi	24/04/2000	Đà Nẵng	27THT6	6.7	8.0	
182	24207115359	Trương Thị Như	Quỳnh	16/10/2000	Đà Nẵng	27THT6	8.7	8.0	
183	24207105974	Bùi Thị	Sinh	30/01/2000	Quảng Nam	27THT6	10.0	10.0	
184	24207115565	Lê Thị Tuyết	Sương	14/04/2000	Quảng Nam	27THT6	6.7	8.5	
185	24203416034	Nguyễn Hoài	Thanh	27/03/2000	Đà Nẵng	27THT6	5.3	10.0	
186	24202716201	Võ Như Anh	Thư	13/12/2000	Hồ Chí Minh	27THT6	8.0	5.3	
187	24202705973	Nguyễn Thị	Thương	28/06/2000	Quảng Nam	27THT6	8.7	7.5	
188	24203103919	Hoàng Thị Lan	Uyên	08/10/2000	Quảng Trị	27THT6	7.3	5.0	
189	24207214641	Hồ Thị Hiền	Vi	30/10/2000	Quảng Nam	27THT6	9.7	6.0	
190	24205108855	Huỳnh Thị Ngọc	Bích	28/03/2000	Quảng Ngãi	27THT7	7.7	9.5	
191	24202515125	Nguyễn Đoàn Minh	Châu	10/11/2000	Đà Nẵng	27THT7	8.3	6.5	
192	24202103573	Trần Thị	Cúc	10/02/2000	Quảng Bình	27THT7	9.7	9.5	
193	24212116192	Nguyễn Việt	Cường	10/09/2000	Bình Định	27THT7	8.7	7.5	

STT	MSSV	HỌ	TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP TT	ĐIỂM KTC	ĐIỂM THUĐ	GHI CHÚ
293	2120524539	Trương Thị Ái	Nhi	12/06/1997	DakLak	27TYC1	10.0	9.0	
294	2121534434	Mai Tấn	Phước	06/06/1997	Quảng Nam Thừa Thiên Huế	27TYC1	10.0	10.0	
295	2120539907	Châu Uyên	Phương	09/10/1996		27TYC1	9.7	9.4	
296	2121534389	Trương	Quang	25/05/1997	Quảng Ngãi	27TYC1	10.0	9.6	
297	2120534386	Nguyễn Ngọc Hương	Quỳnh	09/11/1997	Bình Định	27TYC1	9.3	9.9	
298	2121539910	Nguyễn Trương Nhật	Tân	10/03/1997	Kiên Giang	27TYC1	9.3	9.4	
299	2121534398	Đỗ Trung	Thành	27/09/1996	Hà Nội	27TYC1	9.0	9.0	
300	2121534444	Lê Nguyễn Huy	Thành	12/02/1996	TT Huế	27TYC1	10.0	10.0	
301	2121534414	Trần Vĩnh	Thiện	12/10/1997	Quảng Nam	27TYC1	9.7	9.5	
302	2121534428	Đỗ Đình	Thực	04/08/1997	Khánh Hòa	27TYC1	8.3	8.6	
303	2121534380	Võ Anh	Tùng	24/01/1997	Quảng Trị	27TYC1	9.7	10.0	
304	2120534450	Lê Tường	Vi	27/12/1997	An Giang	27TYC1	8.7	9.9	
305	24207101067	Trần Thị Thu	Hiền	02/12/2000	Đắk Lắk	27TYC2	9.7	8.9	
306	24207100816	Nguyễn Thị Thảo	Nguyên	13/10/2000	Đắk Lắk	27TYC2	9.3	9.3	
307	24202107165	Võ Thị Như	Quỳnh	10/03/2000	Quảng Ngãi	27TYC2	10.0	7.6	
308	2121534441	Lê Hồng	Thái	15/07/1995	DakLak	27TYC2	9.3	9.3	
309	24208602923	Lê Thị	Thảo	21/02/2000	Đắk Lắk	27TYC2	9.3	7.0	
310	24207213414	Võ Thị Trâm	Thu	30/04/2000	Quảng Nam	27TYC2	7.3	6.4	
311	24205105175	Huỳnh Thị Bích	Chiều	24/07/2000	Quảng Nam	27TYC4	8.0	8.0	
312	24202504699	Lê Ngọc Thùy	Trang	17/06/2000	Quảng Nam	27TYC4	9.7	8.6	
313	24202116668	Trần Thị	Trúc	06/10/1998	Đà Nẵng	27TYC4	9.0	6.8	
314	24207107575	Lê Thị Kim	Liên	04/06/2000	Quảng Trị	27TYC5	5.7	7.5	
315	24216116391	Trần Công	Minh	22/07/2000	Quảng Nam	27TYC5	7.0	8.3	
316	24205412162	Võ Thị Mỹ	Nhung	08/07/2000	Phú Yên	27TYC5	7.0	9.8	

Tổng số HV Đạt: 316

LẬP BẢNG

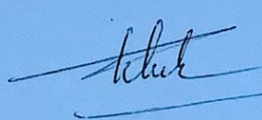
TRUNG TÂM TIN HỌC

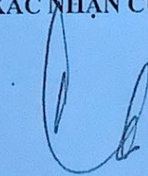
XÁC NHẬN CỦA P. KH-TQ

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG









Nguyễn Lê Quốc Châu Dương Trương Quốc Khánh

Mai Hoàng Hải

TS. Nguyễn Phi Sơn

STT	MSSV	HỌ	TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP TT	ĐIỂM KTC	ĐIỂM THUĐ	GHI CHÚ
194	24205208527	Nguyễn Thị Minh	Duyên	26/04/2000	Quảng Ngãi	27THT7	8.0	8.5	
195	25207104596	Phan Thị Ngọc	Duyên	06/12/2001	Bình Định	27THT7	8.7	6.0	
196	24205206421	Võ Thị Thu	Hà	07/01/2000	Bình Định	27THT7	9.3	8.5	
197	24205110081	Trương Thị Mỹ	Hạnh	10/08/2000	Quảng Ngãi	27THT7	9.7	7.0	
198	24202615779	Phạm Thị Bích	Hiếu	13/03/2000	Kon Tum	27THT7	9.3	9.8	
199	24215210293	Huỳnh Hữu	Huân	12/12/2000	Phú Yên	27THT7	7.3	9.3	
200	24207115479	Hồ Nguyên	Hương	10/01/2000	Gia Lai	27THT7	8.0	6.8	
201	25212400123	Hoàng Quốc	Huy	25/03/2001	Quảng Trị	27THT7	9.7	7.0	
202	24205310737	Nguyễn Thị	Kiều	06/07/2000	Đắk Lắk	27THT7	7.3	9.3	
203	24202103572	Lê Thị	Lan	26/06/2000	Quảng Bình	27THT7	10.0	10.0	
204	24205110957	Lê Khánh	Linh	21/02/2000	Quảng Nam Thừa Thiên Huế	27THT7	5.0	8.0	
205	24217106014	Võ Đại	Long	11/02/2000	Thừa Thiên Huế	27THT7	6.3	7.5	
206	24217106011	Võ Trần Văn	Long	17/09/2000	Thừa Thiên Huế	27THT7	8.7	8.0	
207	24218702890	Phạm Hoàng	Minh	25/01/2000	Thừa Thiên Huế	27THT7	5.7	7.0	
208	24203202043	Mai Quý Kiều	Ngân	26/06/2000	Quảng Nam	27THT7	10.0	7.5	
209	24203104548	Trần Thị Thanh	Ngân	10/07/2000	Quảng Trị	27THT7	9.0	9.0	
210	24207205387	Phạm Hồ Thảo	Nguyên	12/10/2000	Quảng Nam	27THT7	10.0	9.3	
211	24202404207	Lê Huỳnh	Như	05/08/2000	Cần Thơ	27THT7	10.0	8.5	
212	24215212412	Trần Đức	Phước	23/07/2000	Lâm Đồng	27THT7	9.3	10.0	
213	24202601012	Bùi Thị Như	Quỳnh	16/07/1999	Quảng Trị	27THT7	8.7	9.3	
214	24207105854	Phan Thị Như	Quỳnh	07/10/2000	Đà Nẵng	27THT7	8.3	6.5	
215	24207105609	Đỗ Thị	Thảo	01/01/2000	Quảng Nam	27THT7	8.7	7.0	
216	25202503756	Phan Thị Mỹ	Thoa	12/07/2001	Bình Định	27THT7	9.7	8.5	
217	24202607897	Hoàng Thị Thùy	Tiên	22/04/2000	Gia Lai	27THT7	9.3	9.0	
218	24217107404	Hồ Thanh	Tú	26/06/2000	Quảng Nam	27THT7	6.7	5.5	
219	24215208082	Nguyễn Ngọc	Tuấn	18/11/2000	Bình Định	27THT7	9.0	7.5	
220	24215114357	Phan Đức Anh	Tuấn	27/03/2000	Đà Nẵng	27THT7	10.0	9.0	
221	24205207462	Nguyễn Thị Ánh	Tuyết	07/08/2000	Quảng Nam	27THT7	10.0	9.5	
222	24208614473	Huỳnh Ngọc Vân	Uyên	13/12/2000	Đà Nẵng	27THT7	7.0	8.8	
223	2120534420	Hoàng Thị Thảo	Chinh	27/08/1996	Nghệ An	27TSC1	8.0	9.4	
224	2121534392	Nguyễn Mạnh	Cường	26/04/1996	Đà Nẵng	27TSC1	9.3	8.9	
225	2120534445	Trần Thị Ngọc	Diễm	08/06/1997	Bình Định	27TSC1	9.0	9.3	
226	2120534430	Võ Thị Minh	Đức	19/07/1997	Gia Lai	27TSC1	8.7	9.4	

STT	MSSV	HỌ	TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP TT	ĐIỂM KTC	ĐIỂM THUĐ	GHI CHÚ
227	2120534394	Nguyễn Thái Thùy	Ngân	11/05/1996	Khánh Hòa	27TSC1	9.7	9.8	
228	2120534378	Dương Thị Bích	Ngọc	24/06/1997	Lâm Đồng	27TSC1	9.7	9.6	
229	2120539915	Lê Thị Yến	Nhi	16/02/1997	Long An	27TSC1	10.0	10.0	
230	24203203839	Võ Thị Ý	Nhi	25/06/2000	Bình Định	27TSC1	8.0	5.8	
231	2320521366	Bùi Thị	Thi	01/06/1999	Phú Yên	27TSC1	9.0	8.5	
232	2121534409	Phan Công	Thông	04/07/1996	Đà Nẵng	27TSC1	9.0	8.9	
233	2120539908	Nguyễn Hiền Phương	Thy	08/07/1997	Đà Nẵng	27TSC1	8.0	9.8	
234	24202105361	Bùi Thị	Hạnh	25/11/2000	Kon Tum	27TSC2	9.3	8.3	
235	24202105364	Phạm Thị Thanh	Hiền	15/08/2000	Kon Tum	27TSC2	9.7	8.8	
236	24203204766	Đặng Thị Ánh	Hoa	09/01/2000	Quảng Nam	27TSC2	8.3	8.0	
237	24203300118	Phạm Thị	Huệ	14/04/1999	Quảng Nam	27TSC2	9.3	9.8	
238	24205210726	Đinh Thị Oanh	Kiều	12/04/2000	Bình Định	27TSC2	9.7	7.5	
239	24207211860	Huỳnh Thị Thanh	Nguyệt	31/08/2000	Đà Nẵng	27TSC2	8.7	9.9	
240	24205213321	Trần Dạ	Thảo	06/03/2000	Quảng Ngãi	27TSC2	10.0	8.0	
241	24202107241	Lê Tường	Vi	16/10/2000	Bình Định	27TSC2	10.0	9.5	
242	24202100930	Lê Thị Khánh	Vỹ	30/10/2000	Kon Tum	27TSC2	9.3	7.6	
243	24207101599	Nguyễn Thị Phương	Đông	18/08/2000	Đắk Lắk	27TSC3	7.7	8.0	
244	24205206523	Nguyễn Thị	Lâm	10/02/2000	Bình Định	27TSC3	8.7	9.3	
245	24205206542	Võ Trần Ngọc	Thảo	01/04/2000	Phú Yên	27TSC3	8.0	7.3	
246	2321529115	Trần Đức	Thịnh	13/05/1999	DakLak	27TSC3	5.7	5.5	
247	2121534375	Đặng Công Hoàng	Việt	03/01/1997	Đà Nẵng	27TSC3	9.3	9.5	
248	24205302552	Nguyễn Hồ Kim	Yên	02/10/2000	Phú Yên	27TSC3	8.0	8.9	
249	24203100040	Nguyễn Thị Huyền	Trang	24/08/1998	Gia Lai	27TSC4	8.7	5.1	
250	24215208893	Hồ Văn	Bảo	02/04/2000	Quảng Nam	27TSC6	8.0	6.1	
251	24202704102	Trần Thị Anh	Đào	01/01/2000	Đồng Nai	27TSC6	5.3	6.0	
252	24203109148	Nguyễn Thị Đào	Diễm	20/06/2000	Quảng Nam	27TSC6	8.0	5.0	
253	24202109170	Dương Thị Thanh	Diệu	04/01/2000	Đắk Lắk	27TSC6	9.3	5.1	
254	24202816609	Võ Thị Thúy	Hằng	29/05/2000	Nghệ An	27TSC6	9.3	5.3	
255	24203206534	Nguyễn Thị Lan	Huệ	26/02/2000	Quảng Nam	27TSC6	5.3	5.1	
256	24202815130	Trần Thị Phương	Linh	13/12/1999	Đà Nẵng	27TSC6	8.0	7.0	
257	25212616041	Trần Văn	Minh	25/12/2001	Gia Lai	27TSC6	6.3	7.0	
258	24207211959	Lại Yến	Nhi	30/11/2000	Đà Nẵng	27TSC6	8.7	5.0	
259	24205202532	Nguyễn Hà	Nhi	02/06/2000	Quảng Ngãi	27TSC6	7.3	5.3	

STT	MSSV	HỌ	TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP TT	ĐIỂM KTC	ĐIỂM THUĐ	GHI CHÚ
95	24203116319	Cao Thùy	Linh	27/08/2000	Nghệ An	27TBN2	6.0	9.0	
96	24205207115	Hồ Thị Trúc	Linh	07/11/2000	Quảng Nam	27TBN2	9.3	9.5	
97	24205216200	Nguyễn Thị Hoài	Linh	06/03/2000	Kon Tum	27TBN2	10.0	9.0	
98	24218711527	Nguyễn Trọng Phương	Nam	19/02/2000	Đắk Lắk	27TBN2	5.0	6.5	
99	24203204780	Võ Thị	Ngọc	20/05/1999	Quảng Trị	27TBN2	9.3	7.0	
100	24207212002	Nguyễn Thị Yến	Nhi	01/03/2000	Quảng Nam	27TBN2	10.0	6.4	
101	24205112027	Phạm Ý	Nhi	08/01/2000	Bình Định	27TBN2	9.7	9.3	
102	24208708235	Hồ Huỳnh	Như	02/06/2000	Quảng Ngãi	27TBN2	7.7	8.6	
103	23205211055	Lê Bùi Lan	Phương	29/09/1998	Quảng Nam	27TBN2	9.7	9.5	
104	24205212630	Đỗ Trúc	Quỳnh	21/01/2000	Bình Định	27TBN2	8.7	8.3	
105	24218716882	Nguyễn Như	Tài	14/04/1997	Gia Lai	27TBN2	8.3	5.0	
106	24202705097	Nguyễn Hoàng	Yến	01/02/2000	Quảng Nam	27TBN2	8.0	6.0	
107	24205108174	Phạm Thị Thanh	Hương	01/06/2000	Kon Tum	27TBN4	6.7	7.0	
108	24212105700	Hà Thế	Lâm	09/09/2000	Khánh Hòa	27TBN4	8.0	6.5	
109	24202101136	Nguyễn Thị Trung	Nguyên	09/09/2000	Đắk Lắk	27TBN4	8.7	9.5	
110	24212101701	Trịnh Quang	Phước	11/01/2000	Đắk Lắk	27TBN4	5.3	5.4	
111	24205112633	Đinh Thụy Diễm	Quỳnh	12/10/2000	Quảng Ngãi	27TBN4	8.0	6.3	
112	24212105046	Vũ Anh	Thịnh	06/07/2000	Đắk Lắk	27TBN4	6.3	7.6	
113	24203104984	Lê Thị Thanh	Tuyền	14/02/2000	Quảng Nam	27TBN4	7.0	6.4	
114	24205110819	Đỗ Thị Quỳnh	Lâm	02/06/2000	Bình Định	27TBN5	9.7	9.5	
115	24207208455	Lê Thị Mỹ	Nhung	12/01/2000	Đắk Lắk	27TBN5	6.0	5.3	
116	24203103920	Võ Thị	Thành	29/06/2000	Quảng Ngãi	27TBN5	7.7	5.8	
117	24207116441	Nguyễn Thị Tường	Vi	04/09/2000	Đà Nẵng	27TBN5	10.0	6.6	
118	24205313391	Nguyễn Thị Hồng	Thơm	20/08/2000	Quảng Ngãi	27TBN6	10.0	7.5	
119	24205216126	Nguyễn Thị Lan	Anh	29/07/2000	Đắk Lắk	27TBN7	9.0	8.0	
120	24205215413	Nguyễn Trúc	Anh	01/06/2000	Quảng Nam	27TBN7	9.3	9.3	
121	24205208844	Hồ Tiểu	Băng	14/11/2000	Đắk Lắk	27TBN7	7.3	7.4	
122	24215207059	Trần Quốc	Bảo	31/08/2000	Quảng Nam	27TBN7	8.7	8.8	
123	24205309144	Nguyễn Ngọc	Diễm	08/08/2000	Bình Định	27TBN7	8.7	8.8	
124	25202107427	Trần Thị Ngọc	Diệp	12/01/2001	Quảng Nam	27TBN7	5.7	5.5	
125	24205203713	Trương Phạm Ngọc	Hoài	23/10/2000	Quảng Nam	27TBN7	8.0	8.0	
126	24205205510	Đoàn Thị Mai	Lệ	08/10/2000	Quảng Nam	27TBN7	9.0	7.0	
127	24206605749	Nguyễn Thị Yến	Linh	18/12/2000	Quảng Nam	27TBN7	7.0	7.8	

Handwritten signature and initials at the bottom right of the page.

STT	MSSV	HỌ	TÊN	NGÀY SINH	NOI SINH	LỚP TT	ĐIỂM KTC	ĐIỂM THUĐ	GHI CHÚ
260	24202112117	Huỳnh Thị Hồng	Nhung	24/08/2000	Quảng Ngãi	27TSC6	9.7	5.0	
261	24205206745	Võ Đình Thục	Oanh	28/06/2000	Quảng Ngãi	27TSC6	7.7	5.3	
262	24203201559	Nguyễn Thị Hồng	Phấn	20/12/2000	Quảng Ngãi	27TSC6	8.0	5.5	
263	24207212426	Đặng Thị Xuân	Phượng	28/01/2000	Đà Nẵng	27TSC6	6.7	5.1	
264	24215212878	Đinh Tấn	Tài	20/01/2000	Đắk Lắk	27TSC6	8.0	6.8	
265	24203201061	Châu Thị Thùy	Trang	13/09/2000	Kon Tum	27TSC6	6.7	5.5	
266	24205206427	Nguyễn Thị Hồng	Trang	08/03/2000	Bình Định	27TSC6	7.3	5.8	
267	24202807427	Nguyễn Thị Lan	Viên	15/05/2000	Quảng Nam	27TSC6	5.7	5.0	
268	24205206403	Nguyễn Thị Đoan	Vỹ	10/10/2000	Quảng Trị	27TSC6	9.7	5.8	
269	2120534393	Mai Thị Nguyệt	Ánh	18/03/1997	Đà Nẵng	27TYC1	6.7	9.0	
270	2121534385	Phạm Hoàng	Bảo	02/08/1996	Bình Định	27TYC1	8.0	6.8	
271	2121534464	Nguyễn Mạnh	Cường	05/10/1997	Nghệ An	27TYC1	8.0	9.3	
272	2121534442	Phạm Quốc	Dũng	24/06/1995	Đồng Nai	27TYC1	8.3	10.0	
273	2120534376	Đặng Thị Mỹ	Duyên	20/12/1997	Bình Định	27TYC1	7.3	9.3	
274	2120534425	Huỳnh Thị Thùy	Duyên	15/06/1997	Phú Yên	27TYC1	10.0	9.4	
275	2121534379	Nguyễn Hoàn	Giang	26/12/1997	Bình Định	27TYC1	9.7	8.8	
276	2120534456	Võ Thị Mỹ	Hạnh	19/08/1997	Đà Nẵng	27TYC1	9.0	9.8	
277	2120534418	Lưu Mỹ Thanh	Hiền	14/12/1996	Bình Định	27TYC1	9.7	7.8	
278	2121536776	Võ Minh	Hoàng	03/10/1997	Gia Lai	27TYC1	9.7	9.3	
279	2121534402	Đào Quốc	Huy	16/09/1996	Gia Lai	27TYC1	9.3	9.8	
280	2121534405	Nguyễn Châu Nhật	Huy	28/06/1997	Bình Định	27TYC1	9.7	10.0	
281	2121534417	Lê Ngọc	Khánh	02/09/1997	Thanh Hóa	27TYC1	9.7	9.5	
282	2121534448	Nguyễn Dương	Khôi	31/08/1997	Bình Định	27TYC1	9.7	9.8	
283	2120534388	Đặng Hoàng Bảo	Khuong	10/02/1997	Gia Lai	27TYC1	9.3	9.8	
284	2121534454	Bùi Nguyên	Kỳ	10/12/1996	Đà Nẵng	27TYC1	8.3	8.9	
285	2121534422	Nguyễn Giao	Linh	13/01/1993	Nghệ An	27TYC1	10.0	9.8	
286	2120534400	Nguyễn Lê Hoàng	Linh	22/11/1997	Kon Tum	27TYC1	9.7	9.6	
287	2121534443	Huỳnh Thái	Long	15/11/1997	Hà Nam	27TYC1	10.0	9.8	
288	2121534459	Nguyễn Gia	Luật	03/01/1997	Đà Nẵng	27TYC1	9.3	9.5	
289	2121534401	Huỳnh Dương	Minh	04/05/1997	Bình Định	27TYC1	10.0	10.0	
290	2120534438	Mạc Thị Anh	Nguyễn	28/04/1997	Hải Dương	27TYC1	9.7	7.5	
291	2121539911	Nguyễn Hữu	Nhất	09/12/1997	Lâm Đồng	27TYC1	10.0	10.0	
292	2120534407	Thái Thị Hồng	Như	20/11/1997	Bình Định	27TYC1	9.3	9.1	

Handwritten signature and date: 11/11/2023